

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 138/2023/DS-ST

Ngày: 13-7-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích và ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần C,

Địa chỉ trụ sở: Số T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Huỳnh Ngọc N; Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch L thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh G. Theo Quyết định ủy quyền số 852/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 20/7/2022. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ liên hệ: Số N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Trần Vũ S, sinh năm 1982; Có đơn xin xét xử vắng mặt

2.2. Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1982, Vắng mặt

Cùng cư trú: Số A, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/8/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh G – Phòng giao dịch L (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T đã xác lập Hợp đồng cho vay hạn mức số 207/2021/HĐCVHM/NHCT740 ngày 26/8/2021, với nội dung như sau: số tiền vay: 2.000.000.000đ; mục đích vay: Nuôi cá tra; thời hạn trả: 26/8/2022; ngày trả lãi: Ngày 20 hàng tháng; lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết Hợp đồng cho vay là 8%/năm. Lãi suất cho vay áp dụng tại ngày 29/3/2023 là 14%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông S và bà T đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản như sau:

+ Tài sản 1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 812140, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 09682, thửa đất số 305, tờ bản đồ số 48, loại đất ở đô thị, diện tích 80m², vị trí khu đất tọa lạc tại phường K, thành phố L do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 01/8/2017 cho ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T, được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh L đính chính ngày 07/6/2019.

+ Tài sản 2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 812141, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 09683, thửa đất số 306, tờ bản đồ số 48, loại đất ở đô thị, diện tích 80m², vị trí khu đất tọa lạc tại phường K, thành phố L do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 01/8/2017 ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T, được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh L đính chính ngày 07/6/2019.

(Thông qua Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 17/7/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 23/7/2020, được ký giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G – Phòng giao dịch L với ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T, được Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc chứng nhận ngày 17/7/2019 và Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/7/2019 tại Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh L, tỉnh An Giang).

Tính đến ngày 04/6/2023, ông S và bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.164.063.644đ, trong đó: vốn gốc 1.064.000.000đ, tiền lãi 100.063.644đ (trong đó: lãi trong hạn 87.750.921đ, lãi quá hạn 12.312.723đ).

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc, nhắc nhở nhưng ông S, bà T không có thiện chí trả nợ.

Tạm tính đến ngày 13/7/2023, ông S và bà T còn nợ các khoản sau: vốn gốc là 936.000.000đ; lãi là 157.938.423đ, (trong đó: lãi trong hạn là 112.438.042đ và lãi quá hạn là 45.500.382đ); tổng cộng là 1.093.938.423đ.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần C khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

Buộc ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 1.093.938.423đ và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký ngày 26/8/2021 cho đến khi trả dứt nợ.

Trường hợp ông S, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu được phát mãi xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ/NHCT740 ký ngày 17/7/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ký ngày 23/7/2020, được ký giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G – Phòng giao dịch L với ông S và bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Trần Vũ S, trình bày: Vào ngày 26/8/2021, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh G – Phòng giao dịch L (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông S và bà Nguyễn Thị Ánh T đã xác lập Hợp đồng cho vay hạn mức số 207/2021/HĐCVHM/NHCT740 ngày 26/8/2021, với nội dung như sau: số tiền vay: 2.000.000.000đ; mục đích vay: Nuôi cá tra; thời hạn trả: 26/8/2022; ngày trả lãi: Ngày 20 hàng tháng; lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết Hợp đồng cho vay là 8%/năm. Lãi suất cho vay áp dụng tại ngày 29/3/2023 là 14%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông S và bà T đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản như sau:

+ Tài sản 1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 812140, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 09682, thửa đất số 305, tờ bản đồ số 48, loại đất ở đô thị, diện tích 80m², vị trí khu đất tọa lạc tại phường K, thành phố L do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 01/8/2017 cho ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T, được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh L đính chính ngày 07/6/2019.

+ Tài sản 2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 812141, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 09683, thửa đất số 306, tờ bản đồ số 48, loại đất ở đô thị, diện tích 80m², vị trí khu đất tọa lạc tại phường K, thành phố L do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 01/8/2017 ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T, được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh L đính chính ngày 07/6/2019.

(Thông qua Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 17/7/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 23/7/2020, được ký giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G – Phòng giao dịch L với ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T, được Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc chứng nhận ngày 17/7/2019 và Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/7/2019 tại Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh L, tỉnh An Giang).

Tính đến ngày 04/6/2023, ông S và bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.164.063.644đ, trong đó vốn gốc 1.064.000.000đ, tiền lãi 100.063.644đ.

Tạm tính đến ngày 05/6/2023, ông S và bà T còn nợ các khoản sau: vốn gốc là 936.000.000đ; lãi là 137.474.642đ (trong đó: lãi trong hạn là 98.795.521đ và lãi quá hạn là 38.679.121đ); tổng cộng là 1.073.474.642đ.

Nay ông S đồng ý cùng với bà Nguyễn Thị Ánh T sẽ cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền 1.073.474.642đ và tiền lãi phát sinh tính theo Hợp đồng đã ký ngày 26/8/2021 cho đến khi trả dứt nợ và đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp số 190/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 17/7/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 23/7/2020 để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ Bị đơn Nguyễn Thị Ánh T không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C. Buộc ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 1.093.938.423đ, trong đó: vốn gốc là 936.000.000đ; lãi là 157.938.423đ, (trong đó: lãi trong hạn là 112.438.042đ và lãi quá hạn là 45.500.382đ) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký ngày 26/8/2021 cho đến khi trả dứt nợ.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần C (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 207/2021/HĐCVHM/NHCT740 ngày 26/8/2021, yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố L nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Ánh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, bà Trần Huỳnh Ngọc N và ông Trần Vũ S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông S và bà T.

[2.2] Ngân hàng thương mại cổ phần C do ông Trần Minh B – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho bà Trần Huỳnh Ngọc N - Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch L thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh G (theo Quyết định ủy quyền số 852/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 20/7/2022. Thủ tục ủy quyền này phù hợp với quy định pháp luật nên bà N tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh G – Phòng giao dịch L (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 207/2021/HĐCVHM/NHCT740 ngày 26/8/2021 với nội dung: Ngân hàng cho ông S và bà T vay số tiền 2.000.000.000đ; mục đích vay: Nuôi cá tra; thời hạn trả: 26/8/2022; ngày trả lãi: Ngày 20 hàng tháng; lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết Hợp đồng cho vay là 8%/năm. Lãi suất cho vay áp dụng tại ngày 29/3/2023 là 14%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

[3.2] Sau khi ký hợp đồng vay, ông S và bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 04/6/2023 được số tiền 1.164.063.644đ, trong đó vốn gốc 1.064.000.000đ, tiền lãi 100.063.644đ (trong đó: lãi trong hạn 87.750.921đ, lãi quá hạn 12.312.723đ). Ngân hàng yêu cầu ông S và bà T có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi tính đến ngày 13/7/2023 là 1.093.938.423đ, trong đó: vốn gốc là 936.000.000đ; lãi là 157.938.423đ (trong đó: lãi trong hạn là 112.438.042đ và lãi quá hạn là 45.500.382đ) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 207/2021/HĐCVHM/NHCT740 ngày 26/8/2021 đã ký.

[3.3] Hội đồng xét xử xét, Hợp đồng cho vay hạn mức số 207/2021/HĐCVHM/NHCT740 ngày 26/8/2021 giữa Ngân hàng và ông S, bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này có giá trị pháp lý. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông S và bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S và bà T có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi tính đến ngày 13/7/2023 là 1.093.938.423đ, trong đó: vốn gốc là 936.000.000đ; lãi là 157.938.423đ (trong đó: lãi trong hạn là 112.438.042đ và lãi quá hạn là 45.500.382đ) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 207/2021/HĐCVHM/NHCT740 ngày 26/8/2021 đã ký là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, do ông S và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật.

[3.4] Hợp đồng cho vay trên được bảo đảm bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 17/7/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 23/7/2020. Hợp đồng thế chấp này đã được Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc chứng nhận ngày 17/7/2019 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh L ngày 17/7/2019. Xét thấy hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông S và bà T có trách nhiệm trả cho thương mại cổ phần C tổng số tiền 1.093.938.423đ, trong đó: vốn: 936.000.000đ, lãi trong hạn 112.438.042đ, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 45.500.382đ. Đồng thời, ông S và bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 207/2021/HĐCVHM/NHCT740 ngày 26/8/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/7/2023) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

[3.6] Trường hợp ông S và bà T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số 207/2021/HĐCVHM/NHCT740 ngày 26/8/2021 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 17/7/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 23/7/2020 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh G – Phòng giao dịch L với ông S và bà T để thu hồi nợ.

[3.8] Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông S và bà T còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

[4] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông S và bà T có trách nhiệm hoàn trả lại Ngân hàng số tiền 300.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Ông S và bà T phải chịu 44.818.153đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Ngân hàng thương mại cổ phần C được nhận lại 22.170.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001632 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 227; Điều 228 ; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C đối với ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T.

Buộc ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng số tiền 1.093.938.423đ, trong đó: vốn: 936.000.000đ, lãi trong hạn 112.438.042đ, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 45.500.382đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/7/2023) ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 207/2021/HĐCVHM/NHCT740 ngày 26/8/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số 207/2021/HĐCVHM/NHCT740 ngày 26/8/2021 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 17/7/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 190/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 23/7/2020 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh G – Phòng giao dịch L với ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T để thu hồi nợ.

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 300.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 44.818.153đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần C được nhận lại 22.170.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001632 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố L.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần C, ông Trần Vũ S và bà Nguyễn Thị Ánh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan